

Số: 27 /TB-SĐH

Hải Phòng, ngày 23 tháng 4 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc nộp học phí học kỳ I năm học 2020-2021
đối với các nguyên cứu sinh và học viên cao học

Kính gửi: Các nguyên cứu sinh và học viên cao học

Theo thông báo số 537/TB-ĐHHVN ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc nộp học phí học kỳ I năm học 2020-2021,

Viện Đào tạo sau đại học yêu cầu các nguyên cứu sinh và học viên cao học tuân thủ đúng theo thông báo của Trường (*Cụ thể mức thu học phí của các nguyên cứu sinh, học viên cao học và hình thức nộp tiền theo file đính kèm Thông báo này*).

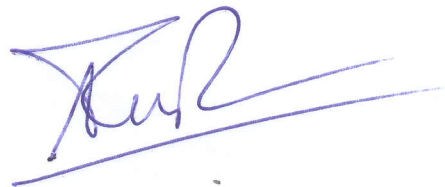
Sau ngày 16/06/2020, Nhà Trường sẽ xóa tên các nguyên cứu sinh và học viên cao học chưa hoàn thành học phí.

Yêu cầu các nguyên cứu sinh và học viên cao học nghiêm túc thực hiện Thông báo này./.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Phòng KH-TC (để phối hợp);
- Lưu: Viện ĐTSĐH.



PGS, TS. Nguyễn Kim Phương

Số: 537 /TB-ĐHHHVN

Hải Phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc nộp học phí học kỳ I năm học 2020-2021 đối với học viên Sau đại học

Kính gửi:

- Viện Đào tạo Sau đại học
- Học viên Sau đại học toàn Trường

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHHHVN ngày 10/10/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-ĐHHHVN ngày 10/5/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc quy định mức học phí năm học 2019-2021;

Nhà trường yêu cầu các học viên Sau đại học nộp học phí, kinh phí đào tạo kỳ I năm học 2020-2021 về Trường như sau:

1. Thời gian nộp: Từ ngày 16/05/2020 đến ngày 16/06/2020.

2. Hình thức nộp:

2.1 Nộp trực tiếp: Tại phòng số 109 tầng 1 nhà A1, số 484 Lạch Tray, Lê Chân, Hải Phòng (sáng từ 7h30 đến 11h30, chiều từ 13h30 đến 16h30 vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần).

2.2 Nộp chuyển khoản:

- **Chuyển khoản qua ngân hàng:**

- + Tên tài khoản: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
- + Số tài khoản: 099704070368368
- + Ngân hàng: HD Bank – Chi nhánh Hải Phòng
- + Nộp dung: Nguyễn Văn A – Lớp xxxxxx – Khóa xxxxxx nộp học phí kỳ I năm học 2020-2021

- **Chuyển khoản qua kho bạc:**

- + Tên tài khoản: Trường Đại học Hàng hải Việt Nam
- + Số tài khoản: 3714.0.1055675
- + Kho bạc: Kho bạc Nhà nước Hải Phòng
- + Nộp dung: Nguyễn Văn A – Lớp xxxxxx – Khóa xxxxxx nộp học phí kỳ I năm học 2020-2021

Sau ngày 16/06/2020, Phòng Kế hoạch – Tài chính thống kê danh sách học viên chưa nộp học phí gửi Viện Đào tạo Sau đại học để xử lý theo quy định hiện hành.

Ban Giám hiệu đề nghị Viện Đào tạo Sau đại học thông báo tới các học viên; đôn đốc, nhắc nhở học viên hoàn thành nộp học phí, kinh phí; yêu cầu các học viên nghiêm túc thực hiện thông báo này.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Như trên;
- Lưu VT, Phòng KH-TC.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Khắc Khiêm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

DANH SÁCH HỌC VIÊN NGHIÊN CỨU SINH PHẢI NỘP HỌC PHÍ HỌC KÌ I NĂM HỌC 2020-2021
(Kèm theo Thông báo số: **537** ngày **17** tháng **4** năm 2020)

STT	MHV	Họ và Tên	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
Khóa 2016-2						
6	680036	Nguyễn Quang Đạt	TCQLVT-2016-2-NCS	13.000.000	0	13.000.000
7	680037	Lê Ngọc Lân	TCQLVT-2016-2-NCS	13.000.000	0	13.000.000
Khóa 2017-1						
8	680039	Nguyễn Thanh Vân	KHHH-2017-1-NCS	13.000.000	0	13.000.000
9	680038	Đặng Quang Việt	KHHH-2017-1-NCS	13.000.000	0	13.000.000
10	680042	Nguyễn Diệp Dũng	KTĐK&TĐH-2017-1-NCS	13.000.000	0	13.000.000
11	680040	Hoàng Thị Hồng Lan	TCQLVT-2017-1-NCS	13.000.000	0	13.000.000
12	680041	Trần Văn Ngọc	TCQLVT-2017-1-NCS	13.000.000	0	13.000.000
Khóa 2017-2						
13	680043	Cao Đức Hạnh	KHĐTTĐH-2017-2-NCS	13.000.000	0	13.000.000
Khóa 2018-1						
14	680046	Vương Thu Giang	TCQLVT-2018-1-NCS	13.000.000	0	13.000.000
Tổng cộng				117.000.000	0	117.000.000

Hải phòng, ngày **17** tháng **4** năm 2020

Người lập



Phạm Huyền Châm

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC PHẢI NỘP HỌC PHÍ HỌC KÌ I NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Thông báo số: 537 ngày 17 tháng 4 năm 2020)

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
Khóa 2018-2							
1	537956	Bùi Thị Linh Chi	02.09.1995	ĐĐATHH-2018-2	8.000.000		8.000.000
2	537957	Nguyễn Thế Long	23.11.1988	ĐĐATHH-2018-2	8.000.000		8.000.000
3	537958	Dương Văn Hùng	11.09.1978	CNTT-2018-2	8.000.000		8.000.000
4	537959	Nguyễn Mai Sen	10.11.1995	CNTT-2018-2	8.000.000		8.000.000
5	537960	Vũ Tất Cường	15.06.1994	ĐKTĐH-2018-2	8.000.000		8.000.000
6	537970	Nguyễn Ngọc Hoàng	26.05.1984	KTBTĐT-2018-2	8.000.000		8.000.000
7	537971	Phạm Văn Sáng	25.07.1976	KTBTĐT-2018-2	8.000.000		8.000.000
8	537972	Lương Đức Thái	24.01.1983	KTBTĐT-2018-2	8.000.000		8.000.000
9	537961	Phạm Duy Dương	26.02.1986	KTMT-2018-2	8.000.000		8.000.000
10	537962	Vũ Công Đức	25.09.1992	KTMT-2018-2	8.000.000		8.000.000
11	537963	Phan Việt Hà	01.01.1979	KTMT-2018-2	8.000.000		8.000.000
12	537964	Bùi Thị Huệ	12.02.1985	KTMT-2018-2	8.000.000		8.000.000
13	537965	Nguyễn Thị Thu	12.08.1995	KTMT-2018-2	8.000.000		8.000.000
14	537966	Lưu Ngọc Sơn	17.08.1992	KTTT-2018-2	8.000.000		8.000.000
15	537973	Đỗ Trọng Hồng	29.10.1984	QLHH-2018-2	8.000.000		8.000.000
16	537974	Hoàng Đình Huy	10.07.1982	QLHH-2018-2	8.000.000		8.000.000
17	537975	Hoàng Xuân An	28.07.1974	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
18	537976	Đinh Thị Quỳnh Anh	01.12.1996	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
19	537977	Ngô Quốc Anh	24.11.1991	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
20	537979	Vũ Thị Vân Anh	02.11.1995	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
21	537980	Vũ Tuấn Anh	02.11.1985	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
22	537981	Trần Văn Bảo	20.08.1975	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
23	537982	Đỗ Ngọc Bích	27.12.1991	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
24	537984	Nguyễn Thanh Bình	01.11.1996	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
25	537985	Hoàng Cao	19.02.1993	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
26	537986	Bùi Thị Phương Châm	03.08.1992	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
27	537987	Bùi Thị Kim Cúc	13.12.1982	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
28	537988	Phạm Hùng Cường	27.08.1980	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
29	537989	Mai Văn Cường	08.09.1983	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
30	537990	Nguyễn Thị Quỳnh Dung	27.12.1995	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
31	537991	Nguyễn Minh Dũng	04.08.1988	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
32	537992	Trần Tiến Dũng	20.08.1977	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
33	537994	Nguyễn Thị Thùy Dương	07.05.1991	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
34	537995	Nguyễn Thành Đạt	04.09.1995	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
35	537996	Đỗ Văn Đức	05.12.1994	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
36	537997	Lại Minh Đức	02.07.1989	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
37	537998	Nguyễn Văn Đức	29.05.1981	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
38	537999	Đinh Thị Linh Giang	27.04.1993	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
39	538000	Đỗ Thị Thu Hà	25.09.1984	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
40	538001	Lâm Thị Duy Hà	24.11.1988	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
41	538002	Nguyễn Hải Hà	25.09.1973	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
42	538004	Nguyễn Thị Thu Hà	13.06.1993	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
43	538003	Nguyễn Thị Thu Hà	06.11.1996	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
44	538005	Phạm Thị Thu Hà	01.05.1987	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
45	538006	Phạm Thị Thu Hà	22.02.1991	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
46	538008	Trương Việt Hải	01.08.1986	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
47	538009	Đoàn Thị Thu Hằng	05.10.1987	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
48	538011	Nguyễn Thị Mai Hạnh	28.03.1995	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
49	538012	Lê Thanh Hào	06.04.1985	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
50	538013	Đoàn Thị Thu Hiền	23.11.1992	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
51	538014	Nguyễn Mạnh Hiếu	06.11.1994	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
52	538015	Nguyễn Đình Hiệu	05.11.1985	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
53	538018	Vì Thị Hòa	25.02.1977	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
54	538019	Đỗ Đăng Hưng	10.06.1977	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
55	538020	Nguyễn Duy Hưng	26.05.1987	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
56	538021	Trần Tiến Hưng	29.09.1970	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
57	538022	Nguyễn Minh Hương	01.01.1984	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
58	538023	Nguyễn Thị Hương	23.07.1991	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
59	538024	Phạm Thanh Hương	26.01.1987	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
60	538026	Lương Thị Thu Hường	17.03.1991	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
61	538027	Đặng Quốc Huy	20.02.1987	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
62	538028	Đặng Văn Huy	17.10.1986	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
63	538029	Lê Tuấn Huy	17.11.1992	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
64	538031	Trần Thị Thu Huyền	16.09.1994	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
65	538032	Nguyễn Duy Khánh	24.02.1983	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
66	538033	Đinh Trung Kiên	08.01.1989	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
67	538034	Nguyễn Văn Kỳ	15.10.1988	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
68	538036	Nguyễn Như Liêm	25.01.1985	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
69	538037	Đỗ Trần Linh	02.09.1991	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
70	538038	Nguyễn Mạnh Linh	04.09.1990	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
71	538039	Nguyễn Thùy Linh	22.02.1995	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
72	538040	Nguyễn Hoàng Long	28.11.1995	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
73	538041	Vũ Hải Long	11.01.1982	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
74	538042	Nguyễn Thị Luyến	11.08.1983	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
75	538043	Bùi Ngọc Mai	08.11.1995	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
76	538044	Lê Ngọc Minh	19.12.1994	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
77	538045	Vũ Ngọc Minh	10.09.1984	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
78	538010	Nguyễn Mỹ Hạnh	20.10.1995	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
79	538046	Mai Duy Nam	19.08.1989	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
80	538047	Hà Thúy Nga	10.06.1990	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
81	538048	Nguyễn Thị Nga	04.03.1986	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
82	538049	Phạm Văn Ngần	03.11.1979	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
83	538051	Nguyễn Trọng Nghĩa	30.10.1996	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
84	538052	Ngô Thị Bảo Ngọc	12.08.1993	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
85	538053	Nguyễn Hải Ngọc	26.12.1989	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
86	538054	Nguyễn Thị Mai Như	13.08.1987	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
87	538055	Nguyễn Tổ Như	12.03.1995	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
88	538056	Vũ Hải Ninh	08.04.1974	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
89	538057	Trần Thị Kim Oanh	05.02.1988	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
90	538059	Phạm Hữu Phương	21.04.1985	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
91	538060	Vũ Thị Mai Phương	02.08.1994	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
92	538061	Nguyễn Thị Hoài Phượng	24.02.1992	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
93	538062	Tô Ngọc Quân	20.08.1989	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
94	538064	Vũ Viết Quảng	17.03.1989	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
95	538065	Đinh Hữu Quý	20.12.1986	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
96	538066	Đỗ Thị Lệ Quyên	26.07.1984	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
97	538067	Phạm Thị Quyên	02.01.1988	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
98	538068	Đinh Văn Quyền	18.12.1975	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
99	538069	Hoàng Hồng Sơn	23.06.1993	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
100	538070	Lê Hoàng Sơn	04.09.1994	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
101	538072	Hoàng Thị Thanh Tâm	28.04.1992	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
102	538073	Trương Công Thành	21.12.1990	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
103	538074	Tường Trung Thành	30.09.1990	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
104	538075	Bùi Thị Thu Thảo	08.07.1994	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
105	538076	Nguyễn Thị Phương Thảo	03.11.1994	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
106	537983	Đinh Thị Hà Bình	08.12.1986	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
107	538078	Phạm Đức Thiện	06.08.1981	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
108	538079	Phan Thanh Thọ	08.10.1978	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
109	538080	Lê Thị Thu	23.09.1982	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
110	538081	Hà Thị Thuần	21.01.1972	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
111	538082	Nguyễn Thị Thủy	10.08.1987	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
112	538084	Ngô Thanh Toàn	13.02.1991	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
113	538085	Nguyễn Thị Thanh Trang	23.01.1987	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
114	538086	Trần Huyền Trang	14.07.1989	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
115	538087	Trần Thị Thu Trang	20.12.1984	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
116	538088	Mạc Văn Trung	27.05.1989	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
117	538089	Nguyễn Thành Trung	16.02.1987	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
118	538092	Nguyễn Thanh Quang Tú	15.04.1995	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
119	538093	Nguyễn Thị Cẩm Tú	29.11.1996	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
120	538094	Hoàng Minh Tuấn	05.10.1991	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
121	538095	Nguyễn Đăng Tuấn	01.03.1974	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
122	538097	Nguyễn Văn Tuấn	19.07.1986	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
123	538098	Phạm Văn Tuấn	02.10.1984	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
124	538099	Tô Văn Tuấn	03.10.1993	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
125	538100	Vũ Minh Tuấn	24.06.1994	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
126	538101	Đào Vương Tùng	26.04.1991	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
127	538102	Đoàn Thanh Tùng	19.06.1989	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
128	538103	Nguyễn Bá Tuyên	05.07.1972	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
129	538106	Phạm Hoàng Việt	06.03.1992	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
130	538109	Trịnh Thị Ngọc Yến	21.09.1991	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
131	538110	Khoa Năng Ý	16.10.1990	QLKT-2018-2	8.000.000		8.000.000
132	538111	Nguyễn Bình Dương	25.02.1975	TCQLVT-2018-2	8.000.000		8.000.000
133	538112	Mai Hữu Hùng	28.06.1975	TCQLVT-2018-2	8.000.000		8.000.000
134	538113	Nguyễn Đình Tùng	06.10.1991	TCQLVT-2018-2	8.000.000		8.000.000
135	537967	Hoàng Đức Lâm	07.01.1992	XDCTT-2018-2	8.000.000		8.000.000
136	537968	Trần Đình Huy	07.09.1991	XDDDCN-2018-2	8.000.000		8.000.000
137	537969	Phan Thế Linh	17.06.1979	XDDDCN-2018-2	8.000.000		8.000.000
Tổng cộng					1.096.000.000	0	1.096.000.000

Hải phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2020

Người lập



Phạm Huyền Châm

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC PHẢI NỘP HỌC PHÍ HỌC KÌ I NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Thông báo số: 537 ngày 17 tháng 4 năm 2020)

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
Khóa 2019-1							
1	538132	Lưu Thị Bách	19.03.1982	CNTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
2	538133	Lê Thanh Cường	10.09.1994	CNTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
3	538134	Nguyễn Phú Duy	20.10.1983	CNTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
4	538135	Trương Công Hiếu	03.11.1987	CNTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
5	538136	Ngô Đăng Hoàng	03.04.1996	CNTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
6	538137	Nguyễn Văn Kiều	02.01.1992	CNTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
7	538138	Nguyễn Thành Lam	15.11.1987	CNTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
8	538139	Đào Xuân Long	14.10.1983	CNTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
9	538140	Nguyễn Minh Phú Sơn	19.10.1992	CNTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
10	538141	Phạm Đức Trọng	11.09.1985	CNTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
11	538142	Bùi Thanh Tùng	08.08.1991	CNTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
12	538143	Đỗ Thị Chang	26.04.1993	KTĐK&TĐH-2019-1	8.000.000		8.000.000
13	538144	Bùi Thành Chung	16.08.1983	KTĐK&TĐH-2019-1	8.000.000		8.000.000
14	538145	Nguyễn Công Hào	20.05.1982	KTĐK&TĐH-2019-1	8.000.000		8.000.000
15	538146	Trịnh Tuấn Ngọc	11.11.1988	KTĐK&TĐH-2019-1	8.000.000		8.000.000
16	538147	Phạm Anh Sơn	07.07.1977	KTĐK&TĐH-2019-1	8.000.000		8.000.000
17	538148	Lê Việt Cường	28.02.1988	KTTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
18	538149	Hoàng Vĩnh Hưng	06.12.1985	KTTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
19	538150	Nguyễn Văn Kết	20.11.1984	KTTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
20	538151	Kiều Văn Lý	01.05.1990	KTTT-2019-1	8.000.000		8.000.000
21	538264	Nguyễn Thị Mai Quế Anh	15.01.1994	TXDCTDD&CN-2019-	8.000.000		8.000.000
22	538265	Lê Việt Phương	03.11.1976	TXDCTDD&CN-2019-	8.000.000		8.000.000
23	538267	Phạm Văn Tuyển	28.08.1985	TXDCTDD&CN-2019-	8.000.000		8.000.000
24	538152	Trần Hoàng Anh	06.10.1984	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
25	538153	Vũ Tuấn Anh	31.05.1975	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
26	538154	Lê Hải Bình	10.01.1982	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
27	538155	Đỗ Duy Chinh	25.11.1985	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
28	538156	Lê Thành Chung	29.11.1986	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
29	538157	Hoàng Triều Dương	26.10.1973	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
30	538158	Chu Văn Giác	23.05.1984	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
31	538159	Bùi An Hải	24.07.1972	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
32	538160	Lê Duy Hiếu	06.10.1977	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
33	538161	Lê Văn Hoàng	04.02.1982	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
34	538162	Vũ Việt Hùng	23.03.1972	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
35	538163	Nguyễn Trung Kiên	02.12.1983	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
36	538164	Đỗ Ngọc Lan	12.08.1980	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
37	538165	Nguyễn Thị Ngọc Mai	20.11.1991	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000

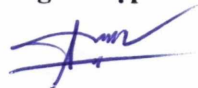
STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
38	538166	Nguyễn Văn Minh	27.03.1982	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
39	538167	Bùi Thị Thu Phương	23.12.1990	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
40	538168	Cao Thị Phương	22.04.1989	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
41	538169	Phạm Hồng Quân	05.11.1988	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
42	538170	Vũ Hồng Quân	31.12.1988	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
43	538171	Nguyễn Đình Quý	12.12.1980	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
44	538172	Lê Văn Quyền	24.03.1992	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
45	538173	Phạm Văn Quỳnh	15.02.1982	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
46	538174	Thái Hồng Sơn	06.10.1985	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
47	538176	Bùi Kim Thu	10.09.1979	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
48	538177	Nguyễn Quốc Thụy	15.06.1974	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
49	538178	Nguyễn Mạnh Tuấn	23.07.1985	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
50	538179	Trần Đức Vinh	22.01.1980	QLHH-2019-1	8.000.000		8.000.000
51	538184	Lê Thị Vân Anh	20.04.1988	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
52	538181	Phạm Hoàng Anh	08.03.1996	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
53	538182	Trần Thị Lan Anh	09.12.1981	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
54	538183	Trần Thị Phương Anh	16.07.1984	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
55	538185	Tô Thị Ngọc Ánh	12.10.1996	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
56	538186	Nguyễn Tùng Bách	03.01.1996	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
57	538187	Nguyễn Thế Bôn	22.06.1993	QLKT-2019-1	8.000.000	7.000.000	1.000.000
58	538188	Nguyễn Chí Công	14.12.1986	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
59	538190	Phạm Đình Công	05.08.1979	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
60	538191	Nguyễn Mạnh Dũng	27.05.1985	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
61	538193	Nguyễn Thị Thùy Dương	28.10.1984	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
62	538194	Nguyễn Văn Dương	16.05.1990	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
63	538195	Mai Quốc Đại	29.04.1994	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
64	538197	Cao Anh Đức	29.04.1995	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
65	538198	Phạm Hoàng Gia	01.03.1982	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
66	538200	Hoàng Thu Hà	06.09.1996	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
67	538201	Phạm Văn Hải	06.10.1989	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
68	538202	Phạm Thị Thu Hằng	05.12.1989	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
69	538203	Đinh Thị Hồng Hạnh	05.10.1986	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
70	538204	Hoàng Thanh Hoài	14.09.1987	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
71	538205	Nguyễn Thúy Hoài	09.11.1992	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
72	538206	Vũ Văn Hoàn	06.06.1985	QLKT-2019-1	8.000.000	7.000.000	1.000.000
73	538207	Lý Mạnh Hùng	03.07.1972	QLKT-2019-1	8.000.000	7.000.000	1.000.000
74	538209	Lê Ngọc Hưng	05.05.1992	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
75	538210	Lã Thị Hường	10.09.1977	QLKT-2019-1	8.000.000	7.000.000	1.000.000
76	538211	Nguyễn Quang Huy	23.09.1977	QLKT-2019-1	8.000.000	7.000.000	1.000.000
77	538212	Nguyễn Quang Huy	20.11.1985	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
78	538213	Đào Thị Huyền	14.03.1985	QLKT-2019-1	8.000.000	7.000.000	1.000.000
79	538214	Lê Thị Thanh Huyền	25.12.1988	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
80	538215	Đặng Văn Khanh	25.11.1989	QLKT-2019-1	8.000.000	7.000.000	1.000.000

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
81	538216	Lê Tùng Lâm	06.01.1994	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
82	538217	Nguyễn Thị Lan	05.09.1984	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
83	538218	Bùi Duy Linh	23.03.1981	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
84	538219	Hoàng Thùy Linh	03.10.1990	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
85	538220	Vũ Thị Diệu Linh	01.10.1995	QLKT-2019-1	8.000.000	7.000.000	1.000.000
86	538221	Vũ Thùy Linh	15.02.1993	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
87	538222	Vương Thị Loan	03.10.1984	QLKT-2019-1	8.000.000	7.000.000	1.000.000
88	538223	Bùi Quang Long	13.04.1984	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
89	538224	Nguyễn Thị Ngọc Mai	22.04.1995	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
90	538225	Phạm Đình Mạnh	28.09.1991	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
91	538226	Trần Ngọc My	19.11.1995	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
92	538227	Hoàng Văn Nam	08.09.1992	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
93	538228	Nguyễn Đình Nam	09.12.1976	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
94	538229	Nguyễn Phương Nam	22.11.1990	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
95	538230	Nguyễn Thị Hằng Nga	13.11.1996	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
96	538231	Đỗ Thị Hồng Ngân	20.05.1983	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
97	538232	Nguyễn Thị Phương	10.05.1989	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
98	538233	Nguyễn Quang Sơn	19.02.1987	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
99	538234	Nguyễn Trường Sơn	10.07.1979	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
100	538235	Đinh Minh Tâm	28.01.1978	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
101	538236	Nguyễn Thị Tâm	10.09.1990	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
102	538237	Trần Quốc Thành	28.11.1994	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
103	538238	Lê Văn Thịnh	30.08.1993	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
104	538239	Trần Thị Thu	12.02.1991	QLKT-2019-1	8.000.000	7.000.000	1.000.000
105	538240	Đoàn Văn Thứ	05.04.1992	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
106	538241	Bùi Văn Toàn	02.01.1984	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
107	538242	Lê Thị Toàn	24.04.1983	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
108	538243	Nguyễn Thu Trang	13.05.1995	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
109	538244	Phạm Thị Quỳnh Trang	27.04.1990	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
110	538245	Bùi Văn Trức	16.04.1990	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
111	538246	Bùi Văn Trường	21.03.1982	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
112	538247	Ngô Minh Tuấn	22.12.1992	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
113	538248	Nguyễn Viết Tuấn	08.02.1995	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
114	538249	Trần Hoàng Tuấn	30.11.1979	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
115	538250	Dương Thanh Tùng	07.12.1983	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
116	538251	Ngô Tiến Tùng	15.08.1994	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
117	538252	Hoàng Thị Hải Vân	05.11.1984	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
118	538254	Phạm Ngọc Vũ	13.06.1993	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
119	538255	Đỗ Hải Yến	25.08.1989	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
120	538256	Nguyễn Thị Hải Yến	11.04.1984	QLKT-2019-1	8.000.000		8.000.000
121	538257	Nguyễn Thành Cường	11.11.1982	TC&QLVT-2019-1	8.000.000		8.000.000
122	538259	Nguyễn Quang Huy	01.04.1976	TC&QLVT-2019-1	8.000.000		8.000.000
123	538260	Đỗ Thị Mỹ Linh	22.01.1995	TC&QLVT-2019-1	8.000.000		8.000.000

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
124	538261	Hoàng Văn Luân	23.07.1992	TC&QLVT-2019-1	8.000.000		8.000.000
125	538262	Đàm Tuấn Nghĩa	28.03.1996	TC&QLVT-2019-1	8.000.000		8.000.000
126	538263	Phạm Văn Tàu	28.05.1995	TC&QLVT-2019-1	8.000.000		8.000.000
Tổng cộng					1.008.000.000	70.000.000	938.000.000

Hải phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2020

Người lập



Phạm Huyền Châm

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC PHẢI NỘP HỌC PHÍ HỌC KÌ I NĂM HỌC 2020-2021

(Kèm theo Thông báo số: 537 ngày 17 tháng 4 năm 2020)

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
Khóa 2019-2							
1	538277	Nguyễn Thị Nga	06.01.1981	CNTT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
2	538278	Nguyễn Trung Quân	01.08.1991	CNTT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
3	538279	Mai Hùng Tuấn	07.05.1981	KTBT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
4	538280	Nguyễn Tuấn Phong	31.01.1983	KTĐT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
5	538281	Lê Văn Tuyên	04.04.1984	KTĐT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
6	538283	Đặng Thị Thảo Anh	10.12.1994	KTMT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
7	538282	Ngô Hoàng Anh	04.10.1996	KTMT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
8	538284	Hà Thị Bình	25.11.1989	KTMT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
9	538285	Lê Minh Hiệp	22.10.1987	KTMT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
10	538286	Đào Ngọc Hiếu	24.10.1984	KTMT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
11	538287	Phan Văn Hùng	05.06.1990	KTTT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
12	538288	Bùi Đức Hải	01.03.1990	KTXD-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
13	538289	Vũ Văn Huy	12.09.1995	KTXD-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
14	538290	Hà Thị Lúa	30.01.1982	KTXD-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
15	538291	Nguyễn Trọng Thắng	02.01.1983	KTXD-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
16	538292	Trương Cao Dũng	29.06.1981	QLHH-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
17	538293	Lê Minh Hiến	31.08.1991	QLHH-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
18	538294	Nguyễn Thị Thu Hiền	03.10.1978	QLHH-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
19	538295	Phạm Thái Long	13.02.1993	QLHH-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
20	538296	Đỗ Đức Mạnh	10.11.1985	QLHH-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
21	538300	Cao Quỳnh Anh	19.11.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
22	538298	Đỗ Thị Hương Anh	11.06.1989	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
23	538301	Nguyễn Thị Hoài Anh	17.09.1996	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
24	538297	Nguyễn Thị Kim Anh	06.03.1990	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
25	538302	Vũ Hải Anh	20.07.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
26	538303	Nguyễn Hải Bình	30.09.1993	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
27	538305	Dương Thực Chi	08.08.1992	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
28	538304	Trần Thị Linh Chi	04.12.1991	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
29	538306	Nguyễn Thanh Tú Chinh	21.09.1984	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
30	538308	Lý Công Cường	14.04.1982	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
31	538307	Nguyễn Mạnh Cường	07.10.1974	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
32	538309	Nguyễn Văn Diện	12.11.1989	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
33	538311	Trần Trường Doanh	12.11.1982	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
34	538312	Lê Trọng Du	20.08.1984	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
35	538315	Nguyễn Hoàng Dung	19.12.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
36	538316	Đặng Tiến Dũng	17.07.1984	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
37	538317	Đỗ Việt Dũng	09.06.1997	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
38	538318	Hoàng Dương	02.11.1991	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
39	538319	Trần Viết Duy	10.05.1990	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
40	538310	Phạm Minh Đoàn	24.08.1980	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
41	538313	Đặng Đình Đức	06.09.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
42	538314	Dương Tâm Đức	03.06.1991	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
43	538320	Lại Ninh Hà	15.05.1984	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
44	538321	Ngô Thị Thu Hà	25.12.1990	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
45	538322	Nguyễn Thanh Hải	09.09.1983	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
46	538325	Lương Thị Thu Hằng	16.03.1983	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
47	538324	Nguyễn Thị Minh Hằng	15.10.1997	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
48	538323	Phạm Thanh Hằng	01.10.1988	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
49	538326	Nguyễn Thị Thanh Hào	23.07.1980	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
50	538327	Nguyễn Thị Thu Hiền	05.10.1981	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
51	538328	Phạm Thị Hiền	01.01.1983	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
52	538329	Trần Minh Hiếu	25.10.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
53	538331	Hoàng Vi Hòa	04.12.1994	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
54	538332	Vũ Đức Hoàng	14.10.1993	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
55	538333	Trần Tuấn Hùng	30.10.1992	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
56	538335	Nguyễn Thị Minh Hương	27.10.1989	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
57	538334	Nguyễn Thị Thu Hương	15.09.1997	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
58	538336	Trần Ngọc Hương	01.04.1979	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
59	538337	Đặng Quang Huy	03.03.1981	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
60	538339	Đinh Mỹ Huyền	07.02.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
61	538338	Hoàng Thị Khánh Huyền	09.09.1997	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
62	538340	Phạm Thị Bích Lệ	25.06.1992	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
63	538341	Đinh Diệu Linh	26.06.1992	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
64	538342	Nguyễn Thùy Linh	28.10.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
65	538343	Lê Thị Loan	19.02.1992	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
66	538344	Phạm Hồng Mẫn	19.11.1991	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
67	538346	Lê Thùy Minh	07.09.1986	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
68	538345	Phạm Phú Minh	02.06.1994	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
69	538347	Hoàng Trung Nam	20.08.1987	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
70	538349	Nguyễn Hải Nam	24.07.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
71	538348	Nguyễn Văn Nam	08.05.1990	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
72	538350	Lê Quang Nguyên	03.01.1987	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
73	538351	Phạm Thanh Nhân	05.05.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
74	538352	Phùng Thị Yến Nhi	20.07.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
75	538353	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	24.10.1986	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
76	538354	Trần Thị Nụ	20.10.1988	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
77	538355	Đặng Đoàn Phong	17.02.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
78	538356	Vũ Hồng Phong	05.09.1994	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
79	538357	Tô Đình Phúc	20.11.1983	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
80	538358	Phạm Thị Mai Phương	06.03.1985	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000

STT	MHV	Họ và Tên	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Số tiền học phí phải nộp	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí còn phải nộp
81	538359	Phạm Hồng Quân	14.02.1989	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
82	538360	Hoàng Việt Sơn	12.04.1989	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
83	538362	Bùi Thị Thanh Tâm	15.07.1983	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
84	538363	Lương Văn Tâm	01.10.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
85	538364	Phạm Thị Hồng Thắm	15.11.1987	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
86	538365	Trần Mai Thắng	16.12.1993	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
87	538367	Nguyễn Đức Thọ	31.08.1981	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
88	538368	Nguyễn Thị Hoài Thu	18.05.1991	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
89	538369	Vũ Thị Thư	20.04.1987	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
90	538370	Nguyễn Thanh Thùy	17.03.1985	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
91	538371	Trương Thị Thủy	22.09.1986	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
92	538372	Bùi Văn Tiến	30.01.1990	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
93	538373	Trần Minh Tiến	07.06.1985	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
94	538374	Nguyễn Hữu Toàn	11.09.1996	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
95	538375	Trần Thu Trà	15.10.1994	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
96	538376	Nguyễn Thị Huyền Trang	02.11.1985	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
97	538377	Phạm Thị Thu Trang	03.12.1989	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
98	538379	Nguyễn Chí Trung	04.02.1969	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
99	538378	Vũ Thành Trung	04.12.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
100	538380	Phạm Anh Tuấn	12.07.1995	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
101	538381	Ngô Xuân Tùng	26.02.1991	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
102	538382	Nguyễn Đức Việt	14.12.1978	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
103	538383	Đặng Thị Xuân	11.06.1994	QLKT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
104	538384	Khoa Sơn Hải	17.02.1992	TCQLVT-2019-2	8.000.000	0	8.000.000
Tổng cộng					832.000.000	0	832.000.000

Hải phòng, ngày 17 tháng 4 năm 2020

Người lập



Phạm Huyền Châm